TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 20/2019/DS-PT
Ngày 28 - 5 - 2019
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phồn.

Các Thẩm phán: Bà Thái Thị Hồng Vân

Ông Nguyễn Hữu Hà.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Hồ Ngọc Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa***:
Bà Nguyễn Thị Phương Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 41/2019/TLPT-DS ngày 09 tháng 4 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐ-PT ngày 13 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1959; địa chỉ: Khối 5, thị trấn A, huyện A, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966 và bà Hà Thị D (vợ ông T), sinh năm 1968; địa chỉ: Khối 5, thị trấn A, huyện A, tỉnh Nghệ An; đều có mặt tại phiên tòa

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Bích Th, sinh năm 1966; địa chỉ: Khối 5, thị trấn A, huyện A, tỉnh Nghệ An; bà Th vắng mặt, ủy quyền cho ông Nguyễn Văn L tham gia phiên tòa theo Giấy ủy quyền ngày 24 tháng 10 năm 2018.

* Người kháng cáo: Bị đơn bà Hà Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án Dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An thì vụ án có nội dung như sau:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 6 năm 2018 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày: Do gia đình ông và gia đình ông Nguyễn Văn T, bà Hà Thị D có quan hệ thân thiết với nhau từ lâu, trong khoảng

thời gian từ năm 2010 đến năm 2017, với mục đích giúp nhau, gia đình ông đã nhiều lần cho vợ chồng ông T, bà D vay tiền. Trong thời gian đó, ông T, bà D cũng đã nhiều trả nợ, sau đó lại tiếp tục vay lại. Cụ thể từng lần cho vay và trả nợ thì ông L không nhớ chính xác vì thời gian đã lâu và sau khi vay các khoản vay mới, bà D đã chủ động thu lại hoặc hủy các giấy tờ vay trước để chốt lại số tiền trong lần vay mới. Tiền lãi suất hai bên thống nhất tính tương đương với lãi suất tiền vay của Ngân hàng Nhà nước hoặc cao hơn một chút tại thời điểm cho vay. Cho đến trước thời điểm ngày 02 tháng 9 năm 2017, ông T, bà D đã trả lãi đầy đủ cho ông L, chỉ thiếu 1.800.000 đồng là một phần tiền lãi của tháng liền kề. Hai bên thống nhất chốt lại số tiền vay đến ngày 02 tháng 9 năm 2017 là 300.000.000 đồng, lãi suất từ thời điểm này là 1,1%/tháng và thỏa thuận trong thời hạn 03 tháng, ông T, bà D sẽ thanh toán đầy đủ cả gốc và lãi. Tuy nhiên, kể từ thời điểm đó, ông T, bà D không chịu trả nợ và tiếp tục khất nợ. Ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông T, bà D phải thanh toán toàn bộ số tiền đã vay tính đến ngày 02 tháng 6 năm 2018 là 334.800.000 đồng, bao gồm 300.000.000 đồng tiền nợ gốc và 34.800.000 đồng tiền lãi suất. Tiền lãi suất sau thời điểm ngày 02 tháng 6 năm 2018, ông L không yêu cầu.

Tại bản tự khai và các biên bản lấy lời khai và trình bày tại Tòa án, bị đơn bà Hà Thị D trình bày: Trong thời gian từ ngày 24 tháng 6 năm 2010 đến năm 2016, gia đình bà D đã vay của ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Bích Th tổng cộng 03 lần, với số tiền cụ thể như sau: Ngày 24 tháng 6 năm 2010, vay 100.000.000 đồng; ngày 25 tháng 6 năm 2010, vay 90.000.000 đồng (02 khoản vay này lập chung một giấy vay tiền, tổng là 190.000.000 đồng). Tiền lãi suất trả đều đặn mỗi tháng là 5.250.000 đồng. Đến ngày 02 tháng 01 năm 2011, lập lại giấy vay mới công nhận khoản vay giữa hai bên là 200.000.000 đồng (số tiền 10.000.000 đồng cộng thêm vào tiền nợ gốc là do bà D và chồng bà là ông T tự nguyện cộng vào vì nghĩ rằng gia đình ông L, bà Th giúp đỡ vợ chồng ông bà nhưng đến thời điểm đó vẫn chưa có trả). Tiền lãi trả đầy đủ cho đến tháng 10 năm 2014 và bà D cũng đã thanh toán tiền nợ gốc 02 lần (lần đầu 100.000.00 đồng, lần thứ hai 50.000.00 đồng) với tổng số tiền 150.000.000 đồng. Đến tháng 02 năm 2016, vợ chồng bà D vay tiếp 80.000.000 đồng (số tiền này ông L nói là của con gái ông L là chị Nguyễn Thị Kiều P). Số tiền 80.000.000 đồng vay sau và số tiền 50.000.000 đồng còn dư nợ những lần trước trả lãi suất riêng rẽ nhau. Đến cuối năm 2016 đầu năm 2017, ông L nói bị mất hết các giấy tờ vay mượn giữa hai bên nên yêu cầu bà D làm lại các giấy tờ vay mượn. Lúc đầu, bà D không đồng ý, đến khoảng tháng 9 năm 2017, ông L liên tục đến nhà thúc ép nên bà cũng làm theo yêu cầu của ông L. Sau đó, ông L yêu cầu bà D lên Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện A để xác nhận thì bà cũng đi cùng ông L. Thực tế số tiền vợ chồng bà D còn nợ ông L, bà Th 130.000.000 đồng chứ không phải 300.000.000 đồng như trình bày của ông L, bà Th. Trong các giấy tờ vay mượn tiền mà ông L xuất trình cho Tòa án thì ông L đều ép buộc bà D viết và ký. Do đó, bà D không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L.

Tại các biên bản lấy lời khai và lời trình bày tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông cũng thống nhất với số tiền vay và các lần vay như bà D trình bày. Quá trình vay tiền, việc giao dịch chủ yếu là giữa ông L và bà D (vợ ông T), ông chỉ tham gia một số lần. Trong các lần ông tham gia, sau khi bà D và ông T lập hợp đồng và nói ông ký thì ông mới ký vì ông tin tưởng

vợ. Hiện tại, bà D và ông L chưa làm rõ được số tiền còn nợ nhau nên ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bích Th trình bày: Trong thời gian từ năm 2010 đến năm 2017, vợ chồng bà Th, ông L đã nhiều lần cho vợ chồng ông T, bà D vay tiền, số lượng tiền vay và các lần trả bà Th không nhớ vì thời gian đã lâu; thỏa thuận vay tiền chủ yếu do ông L bàn bạc với bà D, ông T, thỏa thuận xong bà Th mới tham gia ký. Về lãi suất, hai bên thỏa thuận tương đương với lãi suất của Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm vay và bà D, ông T đã trả đầy đủ đến ngày 02 tháng 9 năm 2017. Cũng tại thời điểm này, hai bên đã thống nhất chốt lại số tiền vay từ trước là 300.000.000 đồng, lãi suất 1,1%/tháng và thỏa thuận trong thời hạn bà D, ông T phải trả đầy đủ cả gốc và lãi. Tuy nhiên, bà D, ông T chưa thanh toán khoản tiền gốc và lãi nào cả. Do đó, bà Th cũng đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông L; đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông T, bà D phải thanh toán toàn bộ số tiền đã vay tính đến ngày 02 tháng 6 năm 2018 là 334.800.000 đồng, bao gồm 300.000.000 đồng tiền nợ gốc và 34.800.000 đồng tiền lãi suất. Tiền lãi suất sau thời điểm ngày 02 tháng 6 năm 2018, bà Th không yêu cầu.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L, buộc bà Hà Thị D và ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền đã vay cho ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Bích Th với số tiền 334.800.000 đồng, trong đó 300.000.000 đồng tiền nợ gốc và 34.800.000 đồng tiền nợ lãi.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất do chậm thi hành án, quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự trong vụ án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08 tháng 01 năm 2019, bị đơn bà Hà Thị D kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử tuyên hủy bản án sơ thẩm với lý do:

- Nhiều chứng cứ hợp pháp mà bà D xuất trình trong các phiên họp và trước giờ xét xử vẫn chưa được Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ xem xét;

- Trong các phiên họp hòa giải, Thẩm phán chưa hoàn toàn công tâm, còn thiếu khách quan khi xử lý các văn bản, lời khai...; có sự thiên lệch về phía nguyên đơn (làm việc căng thẳng, muộn giờ, tạo cơ hội cho nguyên đơn gây áp lực làm bà D bị ngất nhưng vẫn hợp lý hóa thủ tục). Người làm chứng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không tham gia họp. Bản thân bà D không hề biết được nội dung của người làm chứng (họ đã lập văn bản làm chứng sai sự thật), đến khi Tòa tuyên án bà D mới biết;

- Phía nguyên đơn (ông L) đã cố ý lợi dụng lúc bà D bế tắc, túng quẫn rồi cậy quyền cấp trên và dùng âm mưu để ép bà D viết giấy vay tiền, giấy khất nợ sai sự thật và sau đó ông L đã lợi dụng cơ hội, lòng tin để yêu cầu chồng bà D (ông T) ký tên vào và ông L đã sử dụng bản viết này để khởi kiện mà chứng cứ chứng minh việc trước Tòa bà D đã cung cấp song chưa được xem xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Hà Thị D giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà D, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L không đồng ý với nội dung kháng cáo của bị đơn, tuy nhiên, do ông L tính toán sai thời gian tính lãi từ ngày 02 tháng 9 năm 2017 đến ngày 02 tháng 6 năm 2018 là 10 tháng nên ông L đồng ý rút một phần yêu cầu về số tiền lãi; đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn bà Hà Thị D và ông Nguyễn Văn T phải trả số tiền nợ tổng cộng là 331.500.000 đồng, bao gồm 300.000.000 đồng tiền gốc, 29.700.000 đồng tiền lãi suất trong thời gian 09 tháng và 1.800.000 đồng tiền lãi cũ chuyển sang.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán được phân công đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự, thủ tục phiên tòa.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 và Điều 294 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quyền tranh tụng của các đương sự được bảo đảm.

- Về thủ tục kháng cáo: Bị đơn bà Hà Thị D kháng cáo trong thời hạn luật định, có nộp tiền tạm ứng án phí nên được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết là đúng pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Hà Thị D, sửa bản án sơ thẩm về số tiền lãi suất ông T, bà D phải trả và sửa cách tuyên lãi suất về chậm thi hành án; buộc ông Nguyễn Văn T và bà Hà Thị D phải trả cho ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Bích Th tổng số tiền 331.500.000 đồng, bao gồm 300.000.000 đồng tiền nợ gốc, 29.700.000 đồng tiền lãi suất 1,1% trong vòng 09 tháng (từ ngày 02 tháng 9 năm 2017 đến ngày 02 tháng 6 năm 2018) và 1.800.000 đồng tiền lãi suất cũ chuyển sang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bích Th đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và đã ủy quyền cho ông Nguyễn Văn L tham gia tố tụng. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa theo quy định.

[2] Tại phiên tòa, Tòa án đã hỏi ý kiến của các đương sự về việc có thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án hay không nhưng các đương sự không thỏa thuận được. Do đó, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Xét nội dung vụ án: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Hà Thị D phải thanh toán số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng, tiền lãi suất 34.800.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm sau khi xem

xét các chứng cứ, tài liệu thu thập được; căn cứ các quy định pháp luật đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ tổng số tiền 334.800.000 đồng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Hà Thị D kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn bà Hà Thị D, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong quá trình giải quyết vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn L và bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Hà Thị D đều thừa nhận do có quan hệ quen biết nên ông L đã nhiều lần cho ông T, bà D vay tiền với mức lãi suất tương đương mức lãi suất của Ngân hàng Nhà nước. Khi vay tiền, hai bên có lập thành văn bản; quá trình vay tiền, ông T, bà D đã trả nợ nhiều lần và mỗi lần trả nợ sau đều hủy các giấy vay tiền trước. Xét thấy, giao dịch vay tiền được các bên giao kết tự nguyện; không ai bị lừa dối hay ép buộc; các bên tham gia giao dịch có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; nội dung của hợp đồng không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên là giao dịch hợp pháp. Do đó, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn phải trả nợ các khoản vay cho nguyên đơn.

Bà D kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm cho rằng bà chỉ còn nợ 130.000.000 đồng tiền gốc nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà trả hơn 300.000.000 đồng là không đúng. Xét thấy, tại giấy giao nhận tiền và cam kết trả tiền đề ngày 02 tháng 12 năm 2017 có thể hiện việc bà D, ông T vay của ông L, bà Th số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 1,1%/tháng, thời hạn vay 06 tháng (từ ngày 02 tháng 12 năm 2017 đến ngày 02 tháng 6 năm 2018). Phía sau giấy giao nhận tiền và cam kết trả tiền trên, bà D đã viết cam kết hẹn đến ngày 02 tháng 6 năm 2018 sẽ trả cho ông L đủ số tiền nợ gốc và lãi là 334.800.000 đồng. Các tài liệu, chứng cứ này cũng phù hợp với giấy hợp đồng vay tiền ngày 02 tháng 9 năm 2017 có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện A, tỉnh Nghệ An do ông L cung cấp khi nộp đơn khởi kiện.

Bà D kháng cáo cho rằng ông L lợi dụng hoàn cảnh khó khăn và lòng tin của bà để lập giấy vay tiền với số tiền 300.000.000 đồng, xét thấy, với giấy hợp đồng vay tiền ngày 02 tháng 9 năm 2017 đã được Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện A, tỉnh Nghệ An xác nhận chữ ký của bên cho vay tiền ông L, bà Th; bên vay tiền ông T, bà D thể hiện tiền nợ là 300.000.000 đồng tiền gốc, lãi suất 1,1%/tháng. Hơn nữa, bà D và ông T đều là giáo viên, có nhận thức và trình độ. Tại phiên tòa phúc thẩm, vợ chồng bà D, ông T cũng thừa nhận chữ ký và chữ viết dưới mục đại diện bên vay tiền là chữ ký và chữ viết của bà D và ông T. Do đó, có cơ sở để đưa chứng cứ này vào xem xét, giải quyết yêu cầu của các bên.

Bà D còn cho rằng quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét khách quan, toàn diện vụ án nhưng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm không xuất trình được căn cứ để chứng minh cho nội dung kháng cáo của mình. Các chứng cứ, tài liệu bà D xuất trình tại phiên tòa sơ thẩm và trước đó không có chứng cứ nào chứng minh bà D chỉ còn nợ vợ chồng ông L số tiền nợ gốc 130.000.000 đồng. Hồ sơ phản ánh: Ngày 18 tháng 01 năm 2018, bà D viết giấy xác nhận hẹn đến ngày 02 tháng 6 năm 2018, bà D sẽ trả cho vợ chồng ông L 334.800.000 đồng (bút lục hồ sơ số 05). Các tài liệu chứng cứ bà D nộp tại phiên tòa sơ thẩm và trước đó đều không có tài liệu nào thể hiện vợ chồng bà D trả nợ từ sau ngày 18 tháng 01 năm 2018 trên đây. Tại phiên tòa phúc thẩm,

vợ chồng bà D, ông T cũng thừa nhận: Từ ngày 18 tháng 01 năm 2018 đến nay, vợ chồng bà D, ông T không trả được cho ông L số tiền gốc hay lãi nào.

Từ những căn cứ và lập luận nêu trên, có cơ sở kết luận bà Hà Thị D và ông Nguyễn Văn T còn nợ ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Bích Th số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh trong thời gian 09 tháng từ ngày 02 tháng 9 năm 2017 đến ngày 02 tháng 6 năm 2018 với mức lãi suất 1,1%/tháng. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L có ý kiến do trước đây tính toán sai 10 tháng tiền lãi nên nay chỉ yêu cầu bà D, ông T chỉ phải trả số tiền lãi 09 tháng là 29.700.000 đồng và số tiền lãi cũ chuyển sang là 1.800.000 đồng; tổng cộng cả tiền nợ gốc và lãi là 331.500.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu này của ông L là tự nguyện và hợp pháp nên cần chấp nhận để chấp nhận một phần kháng cáo của bà D, sửa bản án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng pháp luật. Đối với kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm, không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo này. Ngoài ra, bản án sơ thẩm tuyên lãi suất do chậm thi hành chưa rõ ràng gây khó khăn khi thi hành án nên Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại cho chính xác.

[8] Về án phí sơ thẩm: Do có sự thay đổi về số tiền phải trả nên cần tính lại án phí Dân sự sơ thẩm bị đơn bà Hà Thị D và ông Nguyễn Văn T phải chịu. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cũng tính toán sai án phí nên cần rút kinh nghiệm.

[9] Về án phí phúc thẩm: Bị đơn bà Hà Thị D kháng cáo được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Hà Thị D, sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L, buộc bà Hà Thị D và ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền đã vay cho ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Bích Th với số tiền 331.500.000 đồng (Ba trăm ba mươi mốt triệu, năm trăm nghìn đồng), trong đó 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) tiền nợ gốc và 31.500.000 đồng (Ba mươi mốt triệu, năm trăm nghìn đồng) tiền nợ lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7, 8 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

+ Buộc bà Hà Thị D và ông Nguyễn Văn T mỗi người phải chịu 8.287.000 đồng (Tám triệu, hai trăm tám mươi bảy nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm; trả lại cho ông Nguyễn Văn L 4.185.000 đồng (Bốn triệu, một trăm tám mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005602 ngày 17 tháng 7 năm 2018.

+ Bà Hà Thị D không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm; trả lại cho bà Hà Thị D 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005589 ngày 16 tháng 01 năm 2019.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện Anh Sơn;
- Chi cục THADS huyện Anh Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đăng Phồn